

NỘI DUNG TỰ HỌC TẠI NHÀ DÀNH CHO HỌC SINH KHỐI 10

Trong thời gian từ: 20/4/2020 đến 25/4/2020

Bài 25:

TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA DƯỚI TRIỀU NGUYỄN (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX)

❖ KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Tình hình chính trị.

1. Củng cố bộ máy nhà nước.

- 1802: Nguyễn Ánh lên ngôi, lấy niên hiệu là Gia Long, đóng đô ở Phú Xuân (Huế), đặt quốc hiệu là Việt Nam (1804).
- 1838: vua Minh Mạng đổi quốc hiệu là Đại Nam.
- Vua Gia Long chia nước ta thành 3 vùng: Bắc thành (Bắc Bộ), Gia Định thành (Nam Bộ) và các Trục doanh do triều đình trực tiếp cai quản (Trung Bộ). Mỗi thành có một Tổng trấn trông coi, có toàn quyền quyết định mọi công việc.
- 1831-1832: vua Minh Mạng chia cả nước làm 30 tỉnh và một phủ Thừa Thiên. Đứng đầu mỗi tỉnh có quan Tổng đốc hoặc Tuần phủ.
- Quan lại:
 - * Khoa cử là phương thức tuyển chọn chủ yếu.
 - * Được hưởng lương, nhưng không được cấp ruộng đất. Đây là nguồn gốc của nạn tham nhũng vì lương không đủ sống.
- Ban hành bộ Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long), quy định chặt chẽ việc bảo vệ nhà nước và các tôn ti trật tự phong kiến.
- Quân đội được tổ chức quy củ, được trang bị vũ khí đầy đủ.

2. Chính sách ngoại giao.

- Thần phục nhà Thanh nhưng buộc Lào và Chân Lạp phải thần phục.
- Chủ trương “đóng cửa” đối với các nước phương Tây làm cho đất nước bị lạc hậu, cô lập.

II. Tình hình kinh tế.

1. Nông nghiệp.

- 1804: thực hiện chính sách quân điền. Tuy nhiên, ruộng công chỉ còn 20% nên dân nghèo được chia ruộng đất rất ít, không đủ sống.
- Chú trọng công tác thủy lợi, khuyến khích khai hoang, mở thêm nhiều đồn điền: ruộng đất Nam Bộ tăng thêm nhiều.
- Nông dân (Bắc, Trung Bộ) có ruộng đất ít, phải đóng địa tô cao, bị thiên tai nhiều, quan lại tham nhũng nên phải cật lực làm việc mới đủ sống. Do đó họ đã di cư vào Nam Bộ để tìm cuộc sống mới.

2. Thủ công nghiệp.

- Các nghề thủ công tiếp tục phát triển, đặc biệt là các nghề làm gốm sứ, dệt vải, nấu đường, khai mỏ.
- Thủ công nghiệp nhà nước: nhiều ngành nghề, quy mô lớn, chế tạo được một số máy móc đơn giản, đặc biệt là thời Minh Mạng đã đóng được 4 tàu thủy chạy bằng máy hơi nước.

– Các làng nghề vẫn được duy trì nhưng không phát triển. Xuất hiện một nghề mới: in tranh dân gian.

3. Thương nghiệp.

– Nội thương phát triển chậm vì thuế nặng, tàu thuyền bị trưng dụng.

– Nhà nước giữ độc quyền và hạn chế ngoại thương. Vì vậy, các đô thị đều tàn lụi, khoa học - kĩ thuật chậm phát triển.

III. Thành tựu văn hóa, giáo dục.

– Chủ trương độc tôn Nho giáo, hạn chế Thiên Chúa giáo. Tín ngưỡng dân gian tiếp tục phát triển. Nhiều đình làng, đền thờ được xây dựng.

– 1807 và 1822: mở khoa thi Hương và thi Hội đầu tiên và sau đó được tổ chức đều đặn để tuyển người tài ra làm quan.

– Văn học chữ Nôm ngày càng phong phú và hoàn thiện (Truyện Kiều của Nguyễn Du, thơ Nôm của Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan, ...).

– 1820: Quốc sử quán được thành lập tại Huế.

– Nhiều bộ sử, sách chuyên khảo, địa phương chí được biên soạn:

* Đại Nam thực lục do Quốc sử quán soạn.

* Lịch triều hiến chương loại chí của Phan Huy Chú.

* Lịch triều tạp kí của Ngô Cao Lãng.

* Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức, ...

– Kiến trúc: cung điện, lăng tẩm và rạp hát ở Huế, cột cờ Hà Nội. Lị sở các tỉnh đều có thành lũy xây theo kiểu Pháp.

– Nhã nhạc cung đình Huế là một di sản văn hóa còn lại đến ngày nay.

– Nghệ thuật dân gian tiếp tục phát triển.

❖ LUYỆN TẬP

1. Hãy nêu tình hình kinh tế của nhà Nguyễn.

2. Hãy nêu các thành tựu văn hóa, giáo dục tiêu biểu dưới thời Nguyễn ở nửa đầu thế kỷ XIX.

3. Hãy phân tích vì sao Nho giáo đang suy thoái nhưng các vua nhà Nguyễn lại chủ trương độc tôn Nho giáo?

❖ PHẢN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Nguyên nhân căn bản làm cho chính sách quân điền của nhà Nguyễn không thể thực hiện rộng rãi là

A. do nhân dân không ủng hộ.

B. do việc chia ruộng đất không công bằng.

C. do ruộng đất công còn quá ít.

D. do sự chống đối của quan lại địa phương.

Câu 2. Vua Gia Long đã chia đất nước thành mấy vùng?

A. Hai miền: miền Bắc và miền Nam.

B. Ba miền: miền Bắc, miền Trung và miền Nam.

C. Ba vùng: Bắc thành, Gia Định và Trục Doanh.

D. Ba trấn: Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ.

Câu 3. Vì sao dưới thời nhà Nguyễn không tiếp cận được với nền công nghiệp cơ khí, dẫn đến tình trạng lạc hậu và bị cô lập?

A. không quan tâm đến phát triển các ngành khoa học tự nhiên.

B. thực hiện chính sách ngoại giao đóng cửa với phương Tây và các nước tiên tiến.

C. không quan hệ với bên ngoài.

D. thực hiện chính sách ngoại giao “khép kín cửa”.

Câu 4. Dưới triều Nguyễn, việc tuyển chọn quan lại được tiến hành theo phương thức nào?

- A. Từ những người thân cận, trung thành.
- B. Dựa vào giáo dục, khoa cử.
- C. Lúc đầu, từ những người thân cận về sau chủ yếu dựa vào giáo dục khoa cử.
- D. Từ những người thân cận và thông qua khoa cử, kể cả dùng tiền mua.

Câu 5. Tổ chức bộ máy cai trị ở địa phương dưới thời Minh Mạng theo những cấp nào?

- A. Tỉnh, phủ, huyện và xã.
- B. Tỉnh, phủ, huyện, châu, tổng và xã.
- C. Tỉnh, huyện, phủ, tổng và xã.
- D. Tỉnh, phủ, huyện, châu và xã.

Câu 6. Ý nào **không** phản ánh đúng chính sách đối ngoại của triều Nguyễn?

- A. Phục tùng nhà Thanh.
- B. Bắt Lào và Chân Lạp thần phục.
- C. Chủ trương thiết lập quan hệ bang giao với Mỹ.
- D. Thực hiện chính sách “đóng cửa” với các nước tư bản châu Âu.

Câu 7. Chính sách ngoại giao tích cực dưới thời nhà Nguyễn là

- A. thân với phương Tây.
- B. giữ được quan hệ thân thiện với các nước láng giềng nhất là Trung Quốc.
- C. mở rộng quan hệ với nhiều nước.
- D. giao lưu với các nước tiên tiến đương thời.

Câu 8. Nguyên nhân căn bản làm cho chính sách quân điền của nhà Nguyễn không thể thực hiện rộng rãi là

- A. do nhân dân không ủng hộ.
- B. do việc chia ruộng đất không công bằng.
- C. do ruộng đất công còn quá ít.
- D. do sự chống đối của quan lại địa phương.

Câu 9. Tác phẩm văn học chữ Nôm đặc biệt xuất sắc dưới thời nhà Nguyễn là

- A. truyện Kiều của Nguyễn Du.
- B. các bài thơ Nôm của Hồ Xuân Hương.
- C. các bài thơ Nôm của Bà Huyện Thanh Quan.
- D. các truyện Nôm khuyết danh.

Câu 10. Nét nổi bật về tình hình thủ công nghiệp dưới triều Nguyễn là

A. một số nghề thủ công như làm gốm, sứ, kéo tơ, dệt vải lụa, nấu đường, khai mỏ tiếp tục phát triển.

- B. thủ công nghiệp nhà nước được tổ chức quy mô lớn với nhiều ngành nghề.
- C. các làng, phường thủ công trong nhân dân vẫn được duy trì nhưng không phát triển.
- D. do chính sách của nhà nước và nhu cầu thị trường nên các mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa không phát triển được.

Câu 11. Dưới thời nhà Nguyễn, “bộ Hoàng Việt luật lệ” còn được gọi là

- A. luật Hồng Đức.
- B. luật Gia Long.
- C. luật Minh Mạng.
- D. luật Hoàng Triều.

Câu 12. Đến thế kỉ XIX, ở nước ta đã xuất hiện nghề thủ công mới nào?

- A. Làm tranh sơn mài.
- B. In tranh dân gian.
- C. Làm đường trắng.
- D. Khai mỏ.

- Câu 13.** Nhà Nguyễn thực hiện chính sách “cấm đạo” đối với
- A. Phật giáo.
 - B. Kitô giáo.
 - C. Hồi giáo.
 - D. Đạo giáo.
- Câu 14.** Về tổng thể chính sách của nhà Nguyễn về kinh tế là
- A. trọng nông, ức thương.
 - B. trọng thương, ức nông.
 - C. hạn chế phát triển các ngành nghề mới.
 - D. coi trọng thủ công nghiệp và thương nghiệp.
- Câu 15.** Hệ tư tưởng độc tôn dưới triều Nguyễn là
- A. Phật giáo.
 - B. Kitô giáo.
 - C. Nho giáo.
 - D. Đạo giáo.
- Câu 16.** Dưới thời nhà Nguyễn, dòng văn học nào ngày càng phong phú và hoàn thiện?
- A. Dòng văn học chữ Nôm.
 - B. Dòng văn học chữ Hán.
 - C. Dòng văn học dân gian.
 - D. Dòng văn học chữ Quốc ngữ.
- Câu 17.** Đến thời Minh Mạng (1831 - 1832), bộ máy chính quyền chia cả nước thành:
- A. các châu, phủ, huyện.
 - B. 20 tỉnh và 3 phủ.
 - C. 30 tỉnh và 1 phủ.
 - D. 34 tỉnh và 4 phủ.
- Câu 18.** Nhiệm vụ sưu tầm, lưu trữ sách cổ và biên soạn các bộ sử chính thống dưới triều Nguyễn thuộc về
- A. Quốc sử quán.
 - B. Quốc sử viện.
 - C. Quốc tử giám.
 - D. Văn miếu.
- Câu 19.** Thành tựu kiến trúc nổi tiếng dưới triều Nguyễn hiện nay được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới là
- A. thành Hà Nội.
 - B. quần thể cung điện, lăng tẩm ở Huế.
 - C. hệ thống lăng tẩm các vua triều Nguyễn ở Huế.
 - D. phố cổ Hội An (Quảng Nam).
- Câu 20.** Về tổng thể chính sách của nhà Nguyễn về kinh tế là
- A. trọng nông, ức thương.
 - B. trọng thương, ức nông.
 - C. hạn chế phát triển các ngành nghề mới.
 - D. coi trọng thủ công nghiệp và thương nghiệp.

* Bài 26: Tình hình xã hội ở nửa đầu thế kỉ XIX và phong trào đấu tranh của nhân dân (Theo hướng dẫn điều chỉnh của Bộ Giáo dục → **Không học**)

* Bài 27:

QUÁ TRÌNH DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC

(Học sinh tự học có hướng dẫn)

A. NỘI DUNG

I. Các thời kì xây dựng và phát triển đất nước.

1. Các quốc gia cổ đại trên đất nước Việt Nam.

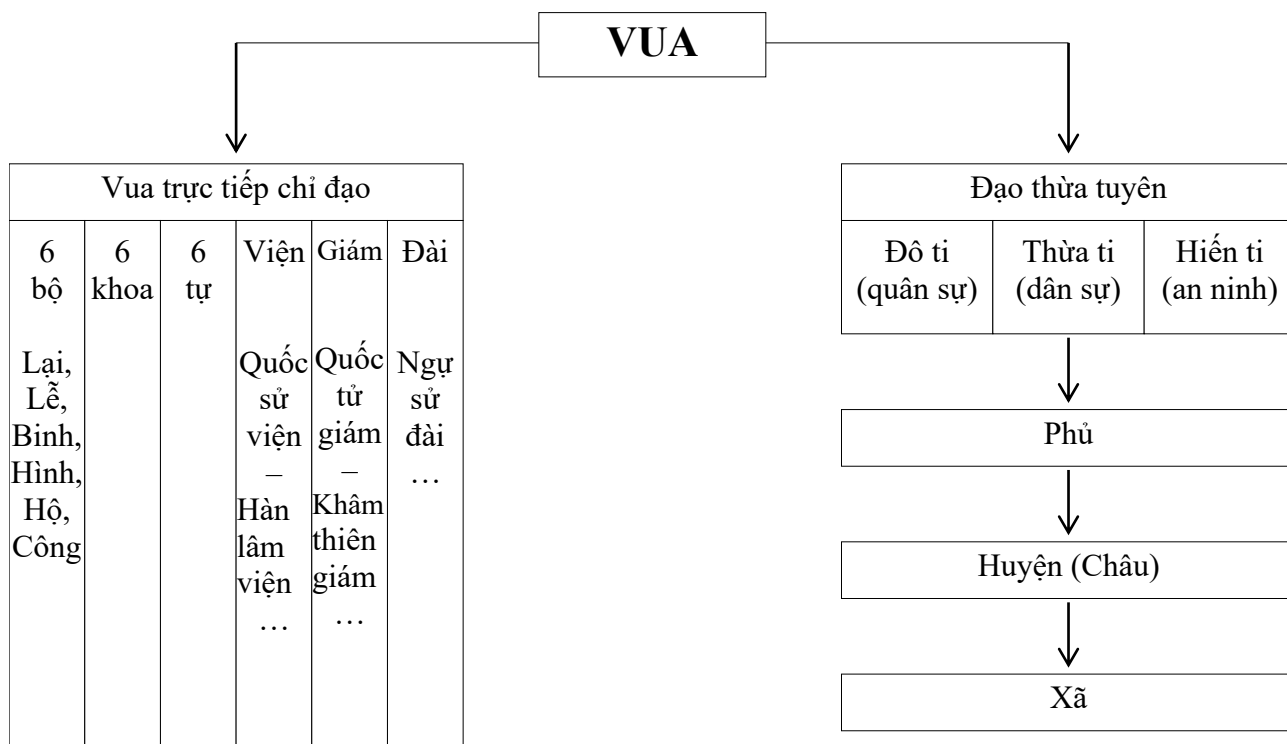
Niên Đại	Cương vực	Quốc hiệu	Văn hóa	Văn minh
khoảng thế kỉ VII TCN	tương ứng với Bắc Bộ hiện nay	Văn Lang	văn hóa bản địa + tiếp nhận văn hóa Ấn Độ và Trung Quốc	trồng lúa nước + xóm làng
đầu thế kỉ II TCN	tương ứng với Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ hiện nay	Âu Lạc		(phần nào chịu ảnh hưởng của văn hóa AD và TQ)
những thế kỉ đầu công nguyên	tương ứng với Nam Trung Bộ hiện nay	Lâm Ấp Champa	văn hóa bản địa + ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ	trồng lúa nước + xóm làng
	tương ứng với Nam Bộ hiện nay	Phù Nam		(chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ)

2. Các triều đại phong kiến Việt Nam.

Triều đại	Niên đại	Quốc hiệu	Kinh đô
Ngô	939	chưa có	<u>Cổ Loa</u>
Đinh	968	<u>Đại Cồ Việt</u>	Hoa Lư
Tiền Lê	980	Đại Cồ Việt	Hoa Lư
Lý	1054	<u>Đại Việt</u>	Thăng Long
Trần	1225	Đại Việt	<u>Thăng Long</u>
Hồ	1400	Đại Ngu	Tây Đô (Thanh Hóa)
Lê	1428	Đại Việt	Đông Kinh
Mạc	1527		Đông Kinh
Chúa Trịnh	1593		Thăng Long
Chúa Nguyễn	1687		Phú Xuân (Huế)
Tây Sơn	1778 (Nguyễn Nhạc)		Thành Hoàng Đế (Đồ Bàn - Qui Nhơn)
	1788 (Nguyễn Huệ)		<u>Phú Xuân</u> (Huế)
Nguyễn	1804	Việt Nam	<u>Phú Xuân</u> (Huế)
	1838	<u>Đại Nam</u>	

3. Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa của Việt Nam qua các thời kì.

Thế kỉ X	Chính trị	– Chế độ quân chủ chuyên chế <u>sơ khai</u> .
	Kinh tế	– Nông nghiệp trồng lúa nước.
	Văn hóa	– <u>Phật giáo</u> chiếm ưu thế.
	Xã hội	– Nông nghiệp phát triển, đời sống nhân dân được nâng cao hơn trước. – Vua và dân còn gần gũi (lễ tịch điền,...)
Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XV	Chính trị	– Chính quyền quân chủ chuyên chế hoàn chỉnh từ trung ương đến địa phương. – Chế độ phong kiến phát triển đến <u>đỉnh cao</u> trong thế kỉ XV.
	Kinh tế	– Nông nghiệp phát triển: nhà nước chăm lo sản xuất nông nghiệp. – Thủ công nghiệp phát triển đa dạng. – Thương nghiệp phát triển.
	Văn hóa	– Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo – Từ thế kỉ XV: <u>Nho giáo</u> chiếm ưu thế. – Văn học nghệ thuật phát triển với những tác phẩm mang đậm bản sắc dân tộc.
	Xã hội	– Đời sống nhân dân ổn định. – Chưa xuất hiện mâu thuẫn đối kháng trong xã hội.
Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII	Chính trị	– Chế độ quân chủ chuyên chế ở trung ương bị suy thoái. – Hình thành các thế lực phong kiến <u>cát cứ</u> . ➔ Đất nước bị <u>chia cắt</u> .
	Kinh tế	– Nông nghiệp: • Đàng Ngoài: ổn định • Đàng Trong: phát triển nhanh chóng (khai hoang) – Kinh tế hàng hóa phát triển nhanh chóng, nhất là ở Đàng Trong, các <u>đô thị</u> hưng khởi.
	Văn hóa	– Nho giáo <u>suy thoái</u> , Phật giáo phục hồi, đạo Thiên chúa được truyền bá, tín ngưỡng dân gian phát triển. – Chất lượng giáo dục suy giảm.
	Xã hội	– Ruộng đất tập trung trong tay địa chủ. Dân số tăng nhanh. – Bùng nổ nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân. ➔ <u>Khủng hoảng xã hội</u> .
Nửa đầu thế kỉ XIX	Chính trị	– Thống nhất đất nước, chính quyền quân chủ chuyên chế. – Thực hiện chính sách “đóng cửa”. – <u>Pháp</u> nổ súng xâm lược vào năm 1858.
	Kinh tế	– Thực hiện chính sách quân điền nhưng không đạt hiệu quả. – Khuyến khích khai hoang, nhưng chỉ đạt <u>hiệu quả</u> cao tại Nam Bộ, chú trọng công tác thủy lợi. – Năng suất tăng không nhiều.
	Văn hóa	– Nho giáo độc tôn. – Văn học <u>chữ Nôm</u> phát triển mạnh.
	Xã hội	– Khởi nghĩa nông dân liên tiếp bùng nổ, tập trung tại Bắc Bộ, Trung Bộ.



Bộ máy nhà nước sau cải cách của Lê Thánh Tông

* Bài 28:

**TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC CỦA DÂN TỘC
VIỆT NAM THỜI PHONG KIẾN
(Học sinh tự học có hướng dẫn)**

I. Sự hình thành truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam.

- Truyền thống là những yếu tố về sinh hoạt xã hội, phong tục, tập quán, lối sống, đạo đức của một dân tộc được lưu truyền từ đời này sang đời khác.
- Lòng yêu nước bắt nguồn từ những tình cảm đơn giản trong một không gian nhỏ như yêu gia đình, yêu làng quê.
- Từ khi hình thành quốc gia và dân tộc, những tình cảm gắn bó mang tính địa phương đã phát triển thành một thứ tình cảm rộng lớn hơn: lòng yêu nước, yêu quê hương.
- Qua quá trình dựng nước và giữ nước, lòng yêu nước ngày càng được nâng cao hơn và khắc sâu hơn để hình thành truyền thống yêu nước.

II. Biểu hiện của truyền thống yêu nước.

- Tự hào về dân tộc, tôn kính các vị anh hùng dân tộc.
- Lao động sáng tạo làm giàu cho cộng đồng, cho đất nước.
- Chiến đấu và hy sinh để bảo vệ đất nước.
- Giữ gìn những di sản văn hóa của dân tộc.
- Đoàn kết giữa mọi tầng lớp nhân dân, giữa các dân tộc anh em.
- Ý thức vì dân, thương dân của giai cấp thống trị tiến bộ (yêu nước đồng nghĩa với thương dân).

III. Nét đặc trưng của truyền thống yêu nước Việt Nam thời phong kiến.

- Biểu hiện đặc trưng của truyền thống yêu nước Việt Nam thời phong kiến là chống giặc ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc.
- Trong đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập, nhân dân Việt Nam đã đoàn kết, phát huy mọi tài năng, trí tuệ, vượt qua mọi gian khổ, không ngại hy sinh, chiến đấu cho đến thắng lợi cuối cùng.
- Trong chiến đấu chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập, lòng yêu nước trở nên trong sáng, chân thành và cao thượng hơn bao giờ hết.
- Tuy nhiên, trong thời bình, truyền thống yêu nước của nhân dân ta chưa được phát huy mạnh.

DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

❖ KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. KHÁI NIỆM VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ – VĂN HÓA.

1. Khái niệm di tích lịch sử – văn hóa.

– Di tích lịch sử – văn hóa là địa điểm có các di vật, cổ vật có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học.

2. Phân loại di tích lịch sử – văn hóa.

– Di tích lịch sử – văn hóa bao gồm :

- Di tích lịch sử.
- Di tích kiến trúc nghệ thuật.
- Di tích khảo cổ.
- Danh lam thắng cảnh.

3. Ý nghĩa của các di tích lịch sử – văn hóa.

a. Ý nghĩa về mặt văn hóa.

– Di tích lịch sử – văn hóa là nơi bảo tồn những giá trị truyền thống văn hóa, lịch sử.

b. Ý nghĩa về mặt xã hội.

– Di tích lịch sử – văn hóa có giá trị giáo dục cao về tình yêu lao động sáng tạo, tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc và ý thức noi gương tiền nhân.

c. Ý nghĩa về mặt khoa học.

– Các di sản lịch sử – văn hóa là nguồn tư liệu xác thực về mặt khoa học trên nhiều lĩnh vực.

– Tóm lại, việc tìm hiểu di tích lịch sử – văn hóa góp phần bảo tồn và phát triển giá trị lịch sử và văn hóa truyền thống.

4. Vài nét về di tích lịch sử – văn hóa của TP.HCM

– Đến năm tháng 5/2011 TP. Hồ Chí Minh có 1 di tích đặc biệt, 53 di tích cấp quốc gia (gồm 25 di tích lịch sử, 26 di tích kiến trúc nghệ thuật, 2 di tích khảo cổ), 74 di tích cấp thành phố (gồm 42 di tích lịch sử, 32 di tích kiến trúc nghệ thuật). Tổng cộng có 128 di tích lịch sử-văn hóa.

II. MỘT SỐ DI TÍCH LỊCH SỬ – VĂN HÓA CẤP QUỐC GIA Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

1. Đình Thông Tây Hội – di tích kiến trúc nghệ thuật.

– Đình Thông Tây Hội tọa lạc tại số 107/1 đường Nguyễn Văn Lượng, quận Gò Vấp.

– Đình được xây dựng vào khoảng năm 1698 từ khi thành lập làng Hanh Thông. Năm 1896, đình được trùng tu và giữ nguyên kiến trúc đến ngày nay.

– Đình Thông Tây Hội là một trong những ngôi đình cổ còn khá nguyên vẹn về kiến trúc và quy mô. Đình có tất cả 156 cây cột gỗ sao, các bàn gỗ khảm và các câu đối trong chính điện. Đình có những chạm khắc mang nét đặc trưng Nam Bộ, là chứng tích còn lại của thời kì dân Ngũ Quảng vào khai khẩn vùng Gò Vấp.

– Đình thờ hai vị thần chính là Dực Thánh Vương và Đông Chinh Vương. Hai hoàng tử này được hậu thế xem là “thủy tổ khai hoang”.

2. Chùa Giác Lâm – di tích kiến trúc nghệ thuật.

- Chùa Giác Lâm tọa lạc tại số 118 đường Lạc Long Quân, quận Tân Bình.
- Là ngôi chùa cổ nhất ở Tp.HCM, Chùa Giác Lâm do một người Minh Hương tên là Lý Thoại Long quyên tiền xây dựng vào năm 1744. Từ đó đến nay, chùa đã qua nhiều lần trùng tu lớn.
- Từ năm 1970 đến năm 1994, tháp Ngũ gia tông phái được xây dựng trong khuôn viên chùa, để thờ Xá lợi Phật.
- Chùa có kiến trúc cổ với mái chùa dạng bánh ít, là đặc trưng của chùa cổ Nam Bộ. Trong chùa có 113 pho tượng cổ, hầu hết bằng gỗ mít rừng và 5 pho tượng đồng. Bài trí tượng thờ trong chánh điện của chùa được xem là tiêu biểu cho các chùa cổ ở Nam Bộ.
- Chùa còn lưu giữ nhiều sách cổ, đặc biệt có bài thơ của Trịnh Hoài Đức.
- Chùa Giác Lâm còn là nơi trùng khắc nhiều kinh sách cổ và là cơ sở cách mạng thời chống Pháp và Mỹ.

3. Hội trường Thống nhất – di tích lịch sử.

- Hội trường Thống nhất tọa lạc tại số 135 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận I, có diện tích 12 ha.
- Từ 1868 – 1873, dinh Norodom được xây dựng trên địa điểm Hội trường Thống nhất ngày nay.
- Từ 1873 – 1887 : là dinh Thống đốc Nam Kỳ.
- Từ 1887 – 1945 : là dinh Toàn quyền Đông Dương.
- Năm 1954, Ngô Đình Diệm đổi tên dinh là Dinh Độc Lập.
- Năm 1962, sau khi bị ném bom, Ngô Đình Diệm cho xây lại dinh theo đồ án của Kiến trúc sư Ngô Viết Thụ. Từ 1963 – 1966, dinh được tiếp tục xây dựng và hoàn tất dưới thời Nguyễn Văn Thiệu.
- Diện tích xây dựng là 45.000m², có 4 tầng lầu và 95 phòng.
- Từ khi được xây dựng cho đến nay, Dinh Độc Lập luôn là trung tâm đầu não của chính quyền. Trưa ngày 30/4 /1975, tại dinh Độc Lập, chính quyền Sài Gòn đã đầu hàng quân Cách mạng
- Ngày 25/6/1976, Dinh Độc Lập được đổi tên là Hội trường Thống nhất.

4. Ngã ba Giồng, Ngã tư Giếng nước – di tích lịch sử.

- Ngã ba Giồng và Ngã tư Giếng nước ở Hóc Môn là 2 địa điểm mà thực dân Pháp dùng làm nơi xử bắn nhiều lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- Ngã ba Giồng nay thuộc xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn. Ngã tư Giếng nước nay nằm trong khuôn viên Bệnh viện Đa Khoa Hóc Môn (đường Bà Triệu, thị trấn Hóc Môn).
- Sau khi Khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại, thực dân Pháp đã xử bắn hai đồng chí Nguyễn Văn Cừ Phan Đăng Lưu tại Ngã ba Giồng vào ngày 28/8/1941.
- Cùng ngày, tại Ngã tư Giếng nước, thực dân Pháp đã xử bắn các đồng chí : Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Thị Minh Khai.

5. Địa đạo Củ Chi – di tích lịch sử

- Thuộc xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi. Dài hơn 250km, diện tích gần 200ha.
- Là công trình kiến trúc độc đáo với hệ thống đường hầm nằm sâu trong lòng đất gồm nhiều tầng, nhiều ngõ ngách chằng chịt với những công trình phục vụ chiến đấu và sinh hoạt ăn ở của du kích trong lòng đất.
- Đài tưởng niệm Bến Dược được xây dựng để ghi nhớ công ơn của các liệt sĩ.

III-DI TÍCH CẤP THÀNH PHỐ.

1. Chùa Xá Lợi:

- Nằm ở góc đường Bà Huyện Thanh Quan và Sư Thiện Chiếu.
- Được khởi công vào ngày 5/8/1956 hoàn thành vào ngày 2/5/1958.
- Chánh điện trên lầu thờ duy nhất Đức Phật Thích Ca. Trên tường có 15 bức tranh vẽ về cuộc đời của Đức Phật Thích Ca.
- Gian thờ tổ sau chánh điện thờ những vị có công khai sáng và phát triển chùa.
- Các công trình khác như: giảng đường, thư viện, tăng phòng, văng sinh quán...
- Chùa có nhiều cổ vật quý như: ngọc xá lợi Phật Tổ, kinh chép trên lá bời có niên đại 1000 năm, cây bồ đề chiết từ Srilanka...
- Chùa Xá Lợi là trung tâm phong trào chống chính sách kỳ thị tôn giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm.
- Chùa Xá Lợi là trung tâm đoàn kết để thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam vào năm 1981.

2. Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai

*** Lịch sử thành lập trường**

- Năm 1915, ông Ernest Nestor Roume và Thống đốc Courbeil cắt băng khánh thành trường Nữ sinh Áo tím & khai giảng khóa đầu tiên.
- Năm 1940, do quân Nhật & quân Anh lần lượt tấn công nên trường dời về Tân Định, đồng thời đổi tên thành Collège Gia Long.
- Năm 1950, lần đầu tiên hiệu trưởng là người Việt đồng thời cũng là một cựu nữ sinh của trường: cô Nguyễn Thị Châu.
- Năm 1953, đồng phục trường đổi từ áo dài tím sang áo dài trắng với phù hiệu của trường là đoá mai vàng khâu lên trên áo, đồng tên trường đổi thành tên tiếng Việt Trường Nữ Trung học Gia Long.
- Sau 30/4/1975, trường được chính quyền mới đổi tên thành Trường Phổ thông cấp 2-3 Nguyễn Thị Minh Khai. Niên khóa 1978-1979, Trường giải thể cấp 2, thu nhận nữ sinh lẫn nam sinh, đổi tên thành Trường Trung học Phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai tới bây giờ.

*** Thành tích**

- + Năm **1989**, bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ)
- + Năm **1999**, Huân Chương Lao Động hạng III do Chủ tịch nước trao tặng
- + Năm **2003**, Huân Chương Lao Động hạng II do Chủ tịch nước trao tặng[11]Đoạt thành tích cao trong các kì Olympic 30/04; các kì Hội khỏe phù đồng, SEAGAME...
- + Năm **2006**, bằng khen của TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh vì thành tích xuất sắc nhiều năm liên tục
- + Năm **2007**, bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- + Năm **2007 - 2008**, bằng khen và cờ của Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam
- + Năm **2008**, bằng khen của Công đoàn Giáo dục Việt Nam (nhiệm kỳ III)
- bằng khen của Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
- + Lá cờ đầu ngành Giáo dục Thành phố
- + Cờ đơn vị dẫn đầu khối Trung học phổ thông của Thành Đoàn
- + Nhiều bằng khen của Bộ Giáo dục - Đào tạo, ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và CĐ Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh.

* Năm 2012 Trường Trung học Phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai được UBND TP Hồ Chí Minh công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố.

❖ LUYỆN TẬP

1. Di tích lịch sử - văn hóa là gì?
2. Điều kiện để một công trình, một hiện vật được công nhận là di tích lịch sử - văn hóa?
3. Nêu ý nghĩa của việc tìm hiểu di tích lịch sử - văn hóa.

❖ PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Thế nào là di tích lịch sử - văn hóa?

- A. Là địa điểm có các di vật có giá trị lịch sử .
- B. Là địa điểm có các di vật có giá trị lịch sử, văn hóa .
- C. Là địa điểm có các di vật có giá trị lịch sử, văn hóa, kinh tế .
- D. Là địa điểm có các di vật có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học .

Câu 2. Di tích lịch sử - văn hóa bao gồm

- A. di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật.
- B. di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, khảo cổ.
- C. di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, khảo cổ, danh lam thắng cảnh.
- D. di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, khảo cổ, thương mại.

Câu 3. Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai TP Hồ Chí Minh đã được công nhận là

- A. di tích kiến trúc nghệ thuật cấp thành phố.
- B. di tích lịch sử cấp thành phố.
- C. di tích lịch sử cấp quốc gia
- D. di tích kiến trúc lịch sử cấp thành phố .

Câu 4. Di tích lịch sử văn hóa là nơi

- A. bảo tồn những giá trị truyền thống văn hóa.
- B. bảo tồn những giá trị truyền thống văn hóa, lịch sử.
- C. bảo tồn những giá trị truyền thống dân tộc.
- D. bảo tồn những giá trị khảo cổ, văn hóa.

Câu 5. Địa đạo Củ Chi là

- A. di tích lịch sử.
- B. di tích khảo cổ.
- C. di tích văn hóa.
- D. di tích nghệ thuật.

Câu 6. Di tích lịch sử - văn hóa phải có một trong các điều kiện sau:

- A. Công trình xây dựng gắn với sự kiện lịch sử tiêu biểu trong quá trình dựng nước và giữ nước.
- B. Công trình xây dựng gắn với địa điểm du lịch nổi tiếng.
- C. Công trình xây dựng gắn với kinh tế thương mại.
- D. Địa điểm tham quan du lịch mang tính quốc gia.

Câu 7. Hội trường Thống nhất được công nhận di tích cấp

- A. thành phố.
- B. quốc gia.
- C. quốc tế.
- D. khu vực.

Câu 8. Thông qua các di tích lịch sử - văn hóa người ta có thể

- A. hiểu biết về quá khứ.
- B. hiểu biết về lịch sử.
- C. hiểu biết về bản sắc văn hóa dân tộc.
- D. hiểu biết về lịch sử dân tộc và giúp cho các dân tộc giao lưu văn hóa, hiểu biết về nhau.

Câu 9. Chùa Xá Lợi tại TP Hồ Chí Minh đã được công nhận là

- A. di tích văn hóa.
- B. di tích văn hóa - nghệ thuật.
- C. di tích lịch sử.
- D. di tích kiến trúc lịch sử.

Câu 10. Di tích lịch sử là

- A. di tích lưu niệm sự kiện.
- B. di tích kỷ niệm lễ hội.
- C. di tích lưu niệm nhân vật nổi tiếng.
- D. di tích lưu niệm sự kiện, lưu niệm danh nhân.

Câu 11. Hội trường Thống nhất được công nhận là

- A. di tích văn hóa kiến trúc.
- B. di tích văn hóa kiến trúc – lịch sử.
- C. di tích nghệ thuật kiến trúc.
- D. di tích lịch sử.

Câu 12. Di tích lịch sử - văn hóa có giá trị

- A. giáo dục cao về tình yêu lao động sáng tạo, đất nước, lòng tự hào dân tộc.
- B. giáo dục cao về tình yêu lao động sáng tạo, đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức noi gương tiền nhân.
- C. giáo dục lòng yêu nước, yêu đồng bào.
- D. giáo dục cao về tinh thần giữ gìn truyền thống dân tộc.

Câu 13. Ngã tư Giếng nước là địa điểm di tích lịch sử

- A. thực dân Pháp đã xử bắn đồng chí Nguyễn Văn Cừ và Phan Đăng Lưu.
 - B. thực dân Pháp đã xử bắn đồng chí Hà Huy Tập và Phan Đăng Lưu.
 - C. thực dân Pháp đã xử bắn đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai và Võ Văn Tần.
 - D. thực dân Pháp đã xử bắn đồng chí Nguyễn Văn Cừ và Nguyễn Thị Minh Khai.
- nguồn tư liệu xác thực về mặt tri thức dân gian.

Câu 14. Di tích lịch sử - văn hóa có mấy loại?

- A. 2 loại : di tích lịch sử, di tích văn hóa.
- B. 3 loại : di tích lịch sử, di tích văn hóa, di tích kiến trúc.
- C. 4 loại : di tích lịch sử, di tích khảo cổ, di tích kiến trúc nghệ thuật, danh lam thắng cảnh.
- D. 1 loại : di tích lịch sử.

Câu 15. Đình Thông Tây Hội là

- A. ngôi đình cổ nhất ở thành phố Hồ Chí Minh.
- B. ngôi đình có những chạm khắc mang nét đặc trưng Nam Bộ.
- C. ngôi đình di tích kiến trúc - nghệ thuật cấp thành phố.
- D. ngôi đình di tích kiến trúc lịch sử cấp quốc gia.

Câu 16. Việc tìm hiểu di tích lịch sử - văn hóa có ý nghĩa về

- A. văn hóa, xã hội.
- B. kinh tế, chính trị.
- C. lịch sử, xã hội.
- D. văn hóa, xã hội, khoa học.

Câu 17. Chùa Giác Lâm là

- A. ngôi chùa đẹp nhất ở thành phố Hồ Chí Minh.
- B. di tích kiến trúc nghệ thuật cấp thành phố.
- C. ngôi chùa cổ nhất ở thành phố Hồ Chí Minh.
- D. di tích lịch sử cấp quốc gia.

Câu 18. Di sản lịch sử - văn hóa là nguồn tư liệu xác thực về mặt khoa học trên lĩnh vực gì?

- A. Tri thức dân gian.
- B. Tri thức dân gian, khoa học kỹ thuật trong xây dựng, nghề thủ công.
- C. Tri thức dân gian, khoa học kỹ thuật trong xây dựng, nghề thủ công, y dược học dân tộc.
- D. Tri thức dân gian, khoa học kỹ thuật trong xây dựng, nghề thủ công, y dược học dân tộc, quân sự, văn hóa ẩm thực...

Câu 19. Việc tìm hiểu di tích lịch sử - văn hóa sẽ góp phần

- A. bảo tồn những giá trị lịch sử.
- B. phát triển văn hóa dân tộc.
- C. bảo tồn những giá trị lịch sử và văn hóa dân tộc.
- D. bảo tồn và phát triển giá trị lịch sử, giá trị văn hóa truyền thống.

Câu 20. Ý nào **không** phản ánh đúng đặc điểm di sản lịch sử - văn hóa là

- A. nguồn tư liệu xác thực về mặt khoa học kỹ thuật trong xây dựng, nghề thủ công.
- B. bảo tồn những giá trị lịch sử.
- C. chỉ mang tính hoài cổ.
- D. nguồn tư liệu xác thực về mặt tri thức dân gian.